TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trác Việt T, sinh năm 1972; nơi cư trú: số 140, tổ 4, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: số 140, tổ 4, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-3-2019, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trác Việt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị L chung sống vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 0I/2002 ngày17-12-2002), là hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L không chịu làm ăn, chăm sóc gia đình nên anh T và chị L thường xuyên cãi vả. Anh T đã cố gắng chịu đựng nhưng không thể hàn gắng

được. Anh T và chị L đã ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu được xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung là Trác Thị Như N, sinh năm 1996 và Trác Việt H, sinh ngày 08-11-2002. Anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trác Việt H và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Trác Thị Như N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn chị Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T khởi kiện chị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; chị L có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường

xuyên cãi vả, không có sự tin tưởng, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị L.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc anh T và chị L là vợ chồng nhưng đã ly thân từ tháng 12/2018, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Trác Việt H, sinh ngày 08-11-2002. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Trác Thị Như N, sinh ngày 16-9-1996 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cháu H hiện đang sinh sống ổn định với anh T, tại Bản tự khai ngày 8-4-2019, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu H nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trác Việt T đối với chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

-Về hôn nhân: Anh Trác Việt T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là Trác Việt H, sinh ngày 08-11-2002 cho anh Trác Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trác Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0020952 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã T, huyện D;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân